TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 316/2024/HS-ST
Ngày 13 tháng 6 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phong;

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thiện;

Ông Nguyễn Vũ Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quang Anh, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Công Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 13/6/2024 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2024/TLST-HS ngày 22/2/2024; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2024/QĐXXST-HS ngày 06/3/2024 đối với bị cáo:

Hải A, sinh năm 2000; HKTT: Thôn D, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Chỗ ở: P chung cư X, đường T, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học phổ thông: 12/12; Con ông Nguyễn Xuân V và con bà Lương Thúy Ả; Bị cáo là con một trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2023 đến nay tại Trại tạm giam số 1 - Công an Thành phố H (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Hoàng Trọng T (có mặt), Luật sư Trần T1 (vắng mặt), Công ty L, Đoàn luật sư Thành phố H.

Các bị hại:

1. Chị Hoàng Thiên N, sinh năm 1986; Trú tại: Số C ngõ A Đ, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Anh Trịnh Văn T2, sinh năm 1997; Trú tại: số D, ngõ F T, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội (có mặt).

3. Anh Nguyễn Như H, sinh năm 1995; Trú tại: Số F, ngõ H phường X, quận N, Thành phố Hà Nội (có mặt).

4. Anh Nguyễn Duy T3, sinh năm 1994; Trú tại: Số D, ngõ H, L, phường P, quận N, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Ngọc T4, sinh năm: 2000; trú tại: Số F ngõ B phố K, phường K, quận T, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Thế D, sinh năm 1997; Trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội (có mặt).

7. Anh Hoàng Anh T5, sinh năm 2000; Trú tại: Cụm A thôn V, xã T, huyện B, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

8. Anh Nguyễn Tuấn A1, sinh năm 2001; Trú tại: Số A dãy C, ngõ B phố Q, quận H, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

9. Anh Thái Văn H1, sinh năm 1993; Trú tại: 2 phố T, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần T9; Trụ sở chính: Tầng I tòa nhà T, E N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc A2, Trưởng phòng Phòng pháp chế (vắng mặt); ông Vũ Đặng Việt C, Trưởng phòng Phòng kiểm soát nội bộ (vắng mặt) và ông Chu Hoài N1, Nhân viên Phòng pháp chế (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Hồng N2, sinh năm 1996; Trú tại: Số A ngõ B phố M, phường M, quận H, Thành phố Hà Nội /Số 141 B, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

3. Anh Ngô Minh Q, sinh năm 1990; Trú tại: Số A, phố V, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

4. Chị Trần Thị Mỹ H2, S năm 1994; Trú tại: chung cư V, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

5. Anh Lê Văn K, sinh năm 1990; Trú tại: Số F đường N, tổ F, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội /C8010 Chung cư T phường T, quận H, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

6. Anh Dương Mạnh V1, sinh năm 1998; Trú tại: Ngõ A, phố L, phường K, quận T, Thành phố Hà Nội / Số G ngõ B Đ, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

7. Anh Bùi Văn T6, sinh năm 1990; Trú tại: Số A ngõ A phố T, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/02/2023, chị Hoàng Thiên N gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H tố giác bị cáo Hải A có hành vi thuê của chị N 19 máy ảnh và 30 thiết bị máy ảnh, sau đó mang bán, cầm cố hết cho người khác, chiếm đoạt tài sản của chị.

Cơ quan điều tra tiến hành điều tra, xác minh đã xác định được hành vi phạm tội của bị cáo Hải A như sau:

Bị cáo Hải A làm nghề quay phim, chụp ảnh sự kiện, quảng cáo với tư cách cá nhân và làm quảng cáo trên ứng dụng Tik Tok cho Công ty cổ phần C1, địa chỉ: Số I phố Đ, phường K, quận Đ, Hà Nội do anh Phan Thanh T7 (sinh năm 1992, làm Giám đốc). Khoảng tháng 04/2022, bị cáo Hải A kinh doanh tiền ảo thua lỗ đã bán các tài sản trong đó có máy ảnh, thiết bị máy ảnh của cá nhân để trả nợ nên đã thuê máy ảnh, thiết bị máy ảnh của người khác sử dụng kiếm tiền trả nợ. Sau khi thuê được máy ảnh, thiết bị máy ảnh, bị cáo Hải A đã cầm cố, bán các máy ảnh, thiết bị đã thuê. Tính đến tháng 01/2023, bị cáo Hải A thuê 59 máy ảnh và 76 thiết bị máy ảnh có tổng trị giá 2.978.985.500 đồng của 09 người trên địa bàn Hà Nội. Ban đầu, các thiết bị này được bị cáo Hải A sử dụng cho công việc. Sau đó bị cáo lần lượt mang toàn bộ số thiết bị thuê được đi bán hoặc cầm cố cho các cá nhân và các cửa hàng cho vay cầm cố. Đến hạn không có thiết bị để trả, bị cáo Hải A đưa ra các lý do thiết bị đang được đưa cho người khác để đi làm để xin gia hạn thì các bị hại tin tưởng đồng ý. Đến khoảng cuối tháng 01/2023, bị cáo Hải A mất khả năng thanh toán tiền thuê, phí cầm cố, vi phạm thỏa thuận với những người đã cho thuê, vi phạm thỏa thuận thanh toán phí cầm cố nên một số tài sản bên nhận cầm cố đã bán cho người khác. Đến ngày 31/01/2023, do không còn khả năng khắc phục lấy lại tài sản đã bán hoặc đã cầm cố, bị cáo Hải A cắt mọi liên lạc với các bị hại, nhằm chiếm đoạt tài sản của người 09 bị hại. Cụ thể như sau:

1. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của chị Hoàng Thiên N 19 máy ảnh và 30 thiết bị máy ảnh tổng trị giá 1.204.457.500 đồng.

Trong thời gian từ tháng 11/2022 đến ngày 03/01/2023, bị cáo Hải A nhiều lần thuê máy ảnh, thiết bị máy ảnh của chị Hoàng Thiên N để sử dụng vào công việc của Công ty C1 và thanh toán tiền thuê theo thỏa thuận. Tính đến ngày 31/01/2023, Hải A còn thuê 19 máy ảnh và 30 thiết bị máy ảnh các loại, hai bên có lập hợp đồng thuê tài sản, với giá trị thuê là 400.000.000 đồng. Trong thời gian

thuê, bị cáo Hải A đã thanh toán cho chị N số tiền thuê là 200.000.000 đồng, còn 200.000.000 đồng chưa thanh toán. Sau khi thuê được tài sản thì bị cáo Hải A sử dụng vào hoạt động của Công ty C1, sau đó vì cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, từ khoảng tháng 11/2022 đến tháng 01/2023 bị cáo Hải A đã mang cầm cố cho Công ty cổ phần T9 6 máy ảnh, 9 thiết bị máy ảnh; cầm cố cho chị Nguyễn Thị Hồng N2 01 máy ảnh để vay số tiền 27.000.000 đồng. Quá trình vay tiền, bị cáo Hải A đã trả chị N2 4.000.000 đồng, còn nợ số tiền 23.000.000 đồng; bị cáo Hải A bán cho anh Ngô Minh Q 01 thiết bị máy ảnh với giá 10.000.000 đồng; cầm cố cho chị Trần Thị Mỹ H2 01 máy ảnh, 01 thiết bị máy ảnh để vay số tiền 28.000.000 đồng. Do vi phạm hợp đồng, chị H2 đã bán cho người không quen biết 01 máy ảnh và 01 thiết bị máy ảnh trên; Hải A bán cho anh Lê Văn K 01 máy ảnh với giá 52.000.000 đồng, sau đó anh K đã bán cho người không quen biết máy ảnh trên; số còn lại bị cáo Hải A bán hoặc nhờ anh Dương Mạnh V1 bán cho người không quen biết được số tiền 268.000.000 đồng. Hết thời hạn thuê tài sản, Hải A không có khả năng hoàn trả cho chị N.

Khám xét khẩn cấp tại Công ty cổ phần T9, thu giữ 06 máy ảnh và 09 thiết bị máy ảnh, chị N2 giao nộp 01 máy ảnh, anh Q giao nộp 01 thiết bị máy ảnh. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm vật chứng là các tài sản còn lại nêu trên nhưng chưa có kết quả.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 100/KL-HĐĐGTS ngày 20/4/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Đ kết luận: "19 máy ảnh và 30 thiết bị máy ảnh trên có tổng trị giá 1.204.457.500 đồng".

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Hải A khai như nội dung vụ án nêu trên phù hợp với lời khai của chị Hoàng Thiên N và những người liên quan. Số tài sản Hải A cầm cố cho Công ty cổ phần T9 và các cá nhân lãi suất từ 1.000 đồng đến 1.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày; số tài sản nhờ anh V1 bán cho nhiều người không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể, không lập hợp đồng, không có hóa đơn, chứng từ. Số tiền bán và cầm cố tài sản, Hải A sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết không có khả năng khắc phục. Quá trình điều tra, chị Hoàng Thiên N có đơn xin lại tài sản, ngày 04/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho chị N 07 máy ảnh và 10 thiết bị máy ảnh. Nay chị N không yêu cầu Hải A trả số tiền thuê còn lại, yêu cầu bồi thường 12 máy ảnh và 20 thiết bị máy ảnh trị giá 600.000.000 đồng; chị N2 yêu cầu bồi thường số tiền 23.000.000 đồng, anh Q yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng.

2. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của anh Trịnh Văn T2 14 máy ảnh và 16 thiết bị máy ảnh tổng trị giá 636.860.000 đồng.

Anh Trịnh Văn T2 làm nghề quay phim chụp ảnh tự do. Từ ngày 20/8/2022 đến ngày 20/01/2023, bị cáo Hải A thuê máy ảnh, thiết bị máy ảnh của anh T2 với số lượng lớn để phục vụ việc tổ chức sản xuất, quảng cáo cho Công ty C1, hai bên có lập hợp đồng dịch vụ thuê tài sản. Tính đến ngày 20/01/2023, bị cáo Hải A còn thuê của anh T2 14 máy ảnh và 16 thiết bị máy ảnh các loại, với giá thuê 400.000.000 đồng. Trong quá trình thuê, Hải A đã trả cho anh T2 tiền thuê 100.000.000 đồng, còn 300.000.000 đồng chưa thanh toán. Sau khi thuê tài sản, bị cáo Hải A sử dụng một thời gian, do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, Hải A đã cầm cố cho Công ty cổ phần T9 02 máy ảnh và 04 thiết bị máy ảnh; cầm cố cho chị Trần Thị Mỹ H2 01 thiết bị máy ảnh để vay số tiền 8.000.000 đồng; bán cho anh Ngô Minh Q 01 máy ảnh và 01 thiết bị máy ảnh cùng 01 tài sản khác được số tiền 45.000.000 đồng, sau đó anh Q đã bán cho người không quen biết 01 máy ảnh và 01 thiết bị máy ảnh nêu trên. Số tài sản còn lại, Hải A mang bán hoặc cầm cố cho người không biết tên, tuổi địa chỉ. Hết thời hạn thuê tài sản, Hải A không có khả năng hoàn trả cho anh T2.

Khám xét khẩn cấp tại Công ty cổ phần T9, Cơ quan điều tra thu giữ 02 máy ảnh và 04 thiết bị máy ảnh; chị Trần Thị Mỹ H2 giao nộp 01 thiết bị máy ảnh. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm vật chứng là các tài sản còn lại nêu trên nhưng chưa có kết quả.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 93/KL-HĐĐGTS ngày 14/4/2023 và số 244/KL-HĐĐGTS ngày 02/10/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Đ kết luận: "14 máy ảnh và 16 thiết bị máy ảnh nêu trên có tổng trị giá 636.860.000 đồng."

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Hải A khai như nội dung vụ án nêu trên phù hợp với lời khai của anh Trịnh Văn T2 và những người liên quan. Số tài sản Hải A cầm cố cho Công ty cổ phần T9 và các cá nhân lãi suất từ 1.000 đồng đến 1.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày; số tài sản H bán hoặc cầm cố cho nhiều người nhưng không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể, không lập hợp đồng, không có hóa đơn, chứng từ, không nhớ cụ thể số tiền đã bán tài sản. Số tiền bán và cầm cố tài sản, Hải A sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Quá trình điều tra, anh T2 có đơn xin lại tài sản, ngày 04/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho anh T2 02 máy ảnh và 05 thiết bị máy ảnh. Nay anh T2 không yêu cầu Hải A trả số tiền thuê còn lại, yêu cầu bồi thường thiệt hại

12 máy ảnh và 11 thiết bị máy ảnh trị giá 400.000.000 đồng; chị H2 yêu cầu bồi thường số tiền 8.000.000 đồng.

3. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của anh Nguyễn Như H 04 máy ảnh và 05 thiết bị máy ảnh tổng trị giá 187.336.000 đồng.

Khoảng tháng 09/2022, thông qua anh Trịnh Văn T2 thì bị cáo Hải A quen anh Nguyễn Như H làm nghề quay phim, chụp ảnh tự do. Quá trình quen biết, ban đầu bị cáo Hải A thuê của anh H máy ảnh, thiết bị máy ảnh với số lượng ít, thời gian thuê ngắn và đã thanh toán tiền thuê hoàn trả tài sản đầy đủ theo thỏa thuận. Tính đến ngày 20/01/2023, bị cáo Hải A còn thuê của anh H 04 máy ảnh và 05 thiết bị máy ảnh các loại nhưng không lập hợp đồng, hai bên thỏa thuận giá thuê là 90.000.000 đồng. Quá trình thuê, bị cáo Hải A đã thanh toán cho anh H 30.000.000 đồng, còn 60.000.000 đồng chưa thanh toán. Sau khi thuê được tài sản, Hải A sử dụng được một thời gian, do cần tiền để trả nợ nên Hải A đã mang bán 01 thiết bị máy ảnh cho anh Bùi Văn T6 cùng với 01 thiết bị khác được số tiền 41.000.000 đồng. Sau đó, anh T6 đã bán cho người không quen biết 02 thiết bị máy ảnh trên; bị cáo Hải A bán cho anh Ngô Minh Q 01 thiết bị máy ảnh với giá 31.000.000 đồng, sau đó anh Q bán cho người không quen biết 01 tài sản trên. Số tài sản còn lại Hải A bán hoặc cầm cố cho nhiều người nhưng không nhớ tên, tuổi, địa chỉ. Hết thời hạn thuê tài sản, Hải A không có khả năng hoàn trả cho anh H.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm vật chứng là các tài sản nêu trên nhưng chưa có kết quả.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 244/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Đ kết luận: "04 máy ảnh 05 thiết bị máy ảnh trên có tổng trị giá 187.336.000 đồng."

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Hải A khai như nội dung vụ án nêu trên phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Như H và những người liên quan. Ngoài số tài sản bán cho anh Bùi Văn T6 và Ngô Minh Q thì bị cáo Hải A còn bán hoặc cầm cố cho nhiều người không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể, không lập hợp đồng, không có hóa đơn, chứng từ, không nhớ cụ thể số tiền đã bán tài sản. Số tiền bán tài sản, bị cáo Hải A sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết không có khả năng khắc phục. Quá trình điều tra, anh H không yêu cầu trả số tiền thuê còn lại, yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại 04 máy ảnh và 05 thiết bị máy ảnh trị giá 187.336.000 đồng.

4. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của anh Nguyễn Duy T3 05 máy ảnh và 06 thiết bị máy ảnh tổng trị giá 217.047.000 đồng.

Thông qua anh Trịnh Văn T2 giới thiệu thì bị cáo Hải A quen biết anh Nguyễn Duy T3 làm nghề quay phim, chụp ảnh tự do. Từ khoảng tháng 08/2022, Hải A nhiều lần thuê máy ảnh, thiết bị máy ảnh của anh T3 và có đổi trả thiết bị và gia hạn thời hạn thuê. Tính đến ngày 20/01/2023, bị cáo Hải A còn thuê của anh T3 05 máy ảnh và 06 thiết bị máy ảnh các loại nhưng không lập hợp đồng thuê, hai bên thỏa thuận giá thuê là 80.000.000 đồng. Quá trình thuê, bị cáo Hải A đã thanh toán cho anh T3 50.000.000 đồng, còn nợ 30.000.000 đồng. Sau khi thuê được tài sản, Hải A sử dụng một thời gian, sau đó mang cầm cố cho anh Lê Văn K 01 máy ảnh để vay số tiền 20.000.000 đồng. Số tài sản còn lại bị cáo Hải A bán hoặc cầm cố cho người khác nhưng không nhớ tên, tuổi, địa chỉ. Hết thời hạn thuê tài sản, Hải A không có khả năng hoàn trả cho anh T3.

Quá trình điều tra, anh Lê Văn K giao nộp 01 máy ảnh. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm vật chứng là các tài sản còn lại nêu trên nhưng chưa có kết quả.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 93/KL-HĐĐGTS ngày 14/4/2023, số 244/KL-HĐĐGTS ngày 02/10/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Đ kết luận: "05 máy ảnh và 06 thiết bị máy ảnh trên có tổng trị giá 217.047.000 đồng".

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Hải A khai như nội dung vụ án nêu trên phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Duy T3 và những người liên quan. Ngoài số tài sản cầm cố cho anh Lê Văn K thì Hải A còn bán tài sản bán cho nhiều người không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể, không lập hợp đồng, không có hóa đơn, chứng từ, không nhớ cụ thể số tiền đã bán tài sản. Số tiền bán và cầm cố tài sản, Hải A sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết không có khả năng khắc phục. Quá trình điều tra, anh T3 có đơn xin lại tài sản, ngày 04/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho anh Nguyễn Duy T3 01 máy ảnh. Nay anh T3 không yêu cầu Hải A trả số tiền thuê còn lại, yêu cầu bồi thường thiệt hại 04 máy ảnh và 06 thiết bị trị giá 200.000.000 đồng. Anh Lê Văn K yêu cầu bồi thường số tiền 20.000.000 đồng.

5. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của anh Nguyễn Ngọc T4 04 máy ảnh và 02 thiết bị máy ảnh với tổng trị giá 127.590.000 đồng.

Khoảng tháng 08/2022, thông qua anh Trịnh Văn T2 giới thiệu thì Hải A quen biết anh Nguyễn Ngọc T4. Quá trình quen biết, bị cáo Hải A thuê của anh

T4 nhiều máy ảnh, thiết bị máy ảnh để sử dụng công việc quay phim, chụp ảnh cho Công ty C1. Tính từ ngày 09/10/2022 đến ngày 22/12/2022, Hải A còn thuê của anh T4 04 máy ảnh và 02 thiết bị máy ảnh các loại nhưng không lập hợp đồng thuê. Hai bên thỏa thuận, giá thuê là 90.000.000 đồng, quá trình thuê bị cáo Hải A đã thanh toán cho anh T4 số tiền 60.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa trả. Sau khi thuê được tài sản, bị cáo Hải A mang cầm cố cho Công ty cổ phần T9 02 máy ảnh và 01 thiết bị máy ảnh. Số tài sản còn lại bị cáo Hải A bán hoặc cầm cố cho người khác nhưng không nhớ tên, tuổi, địa chỉ. Hết thời hạn thuê tài sản, Hải A không có khả năng hoàn trả cho anh Nguyễn Ngọc T4.

Khám xét khẩn cấp tại Công ty cổ phần T9, thu giữ 02 máy ảnh và 01 thiết bị máy ảnh. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm vật chứng là các tài sản còn lại nêu trên nhưng chưa có kết quả.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 244/KL-HĐĐGTS ngày 02/10/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Đ kết luận: "04 máy ảnh và 02 thiết bị máy ảnh trên có tổng trị giá 127.590.000 đồng."

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Hải A khai như nội dung vụ án nêu trên phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Ngọc T4 và những người liên quan. Số tài sản Hải A cầm cố cho Công ty cổ phần T9 và các cá nhân lãi suất từ 1.000 đồng đến 1.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày; số tài sản H bán cho nhiều người không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể, không lập hợp đồng, không có hóa đơn, chứng từ, không nhớ cụ thể số tiền đã bán. Số tiền bán và cầm cố tài sản, Hải A sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết không có khả năng khắc phục. Quá trình điều tra, anh T4 có đơn xin lại tài sản, ngày 04/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho anh Nguyễn Ngọc T4 02 máy ảnh và 01 thiết bị máy ảnh. Nay anh T4 không yêu cầu Hải A trả số tiền thuê còn lại, yêu cầu bồi thường 02 máy ảnh và 01 thiết bị máy ảnh trị giá 127.590.000 đồng theo quy định của pháp luật.

6. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của anh Nguyễn Thế D 03 máy ảnh và 03 thiết bị máy ảnh có tổng trị giá 117.475.000 đồng:

Thông qua anh Trịnh Văn T2 giới thiệu thì bị cáo Hải A quen biết anh Nguyễn Thế D làm nghề quay phim, chụp ảnh tự do. Quá trình quen biết, Hải A thuê của anh D nhiều máy ảnh, thiết bị máy ảnh để sử dụng quảng cáo trên ứng dụng Tik Tok cho Công ty. Tính từ ngày 24/8/2022 đến tháng 01/2023, Hải A đã thuê, thanh toán tiền thuê, đổi, trả và gia hạn thời hạn thuê thiết bị nhiều lần. Chốt đến ngày 21/01/2023, Hải A còn thuê của anh D 03 máy ảnh và 03 thiết bị máy

ảnh các loại, giá thuê là 20.000.000 đồng. Trong thời hạn thuê, Hải A đã thanh toán số tiền thuê 10.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng chưa trả. Sau khi thuê được tài sản, ban đầu Hải A sử dụng vào mục đích công việc. Sau đó, vì cần tiền chi tiêu cá nhân, Hải A đã mang đi cầm cố cho Công ty cổ phần T9 01 máy ảnh và 01 thiết bị máy ảnh. Số tài sản còn lại Hải A bán hoặc cầm cố cho người khác nhưng không nhớ tên, tuổi, địa chỉ. Quá thời hạn thuê tài sản, Hải A không có khả năng hoàn trả cho anh Nguyễn Thế D.

Khám xét khẩn cấp tại Công ty cổ phần T9, thu giữ 01 máy ảnh và 01 thiết bị máy ảnh. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm vật chứng là các tài sản còn lại nêu trên nhưng chưa có kết quả.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 244/KL-HĐĐGTS ngày 02/10/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Đ kết luận: "03 máy ảnh và 03 thiết bị máy ảnh trên có tổng trị giá 117.475.000 đồng."

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Hải A khai như nội dung vụ án nêu trên phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Thế D và những người liên quan. Số tài sản Hải A cầm cố cho Công ty cổ phần T9 và các cá nhân lãi suất từ 1.000 đồng đến 1.500 đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày; số tài sản Hải A bán cho nhiều người không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể, không lập hợp đồng, không có hóa đơn, chứng từ, không nhớ cụ thể số tiền đã bán tài sản. Số tiền bán và cầm cố tài sản, Hải A sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết không có khả năng khắc phục. Quá trình điều tra, anh D có đơn xin lại tài sản, ngày 04/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho anh D 01 máy ảnh và 01 thiết bị máy ảnh. Nay anh D không yêu cầu Hải A trả số tiền thuê còn lại, yêu cầu bồi thường 02 máy ảnh và 01 thiết bị máy ảnh tổng trị giá 78.000.000 đồng.

7. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của anh Hoàng Anh T5 số 02 máy ảnh và 02 thiết bị máy ảnh, tổng trị giá 62.720.000 đồng.

Thông qua anh Trịnh Văn T2 giới thiệu thì bị cáo Hải A quen biết anh Hoàng Anh T5 làm nghề quay phim chụp ảnh tự do. Trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến ngày 11/11/2022, bị cáo Hải A thuê của anh T5 02 máy ảnh và 02 thiết bị máy ảnh các loại để sử dụng phục vụ công việc quay phim, chụp ảnh nhưng không lập hợp đồng. Hai bên thỏa thuận, giá tiền thuê là 38.480.000 đồng. Quá trình cho thuê, bị cáo Hải A đã thanh toán cho anh T5 số tiền 10.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa trả. Sau khi thuê được tài sản, ban đầu Hải A sử dụng vào mục đích công việc. Sau đó, vì cần tiền chi tiêu cá nhân, Hải A đã mang bán hoặc cầm cố cho

người khác nhưng không nhớ tên, tuổi, địa chỉ. Quá thời hạn thuê tài sản, bị cáo Hải A không có khả năng hoàn trả cho anh Hoàng Anh T5.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm vật chứng là các tài sản nêu trên nhưng chưa có kết quả.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 244/KL-HĐĐGTS ngày 02/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Đ kết luận: "02 máy ảnh 02 thiết bị máy ảnh trên có tổng trị giá 62.720.000 đồng."

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Hải A khai như nội dung vụ án nêu trên phù hợp với lời khai của anh Hoàng Anh T5 và những người liên quan. Số tài sản Hải A bán cho nhiều người không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể, không lập hợp đồng, không có hóa đơn, chứng từ, không nhớ cụ thể số tiền đã bán tài sản. Số tiền bán và cầm cố tài sản, Hải A sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết không có khả năng khắc phục. Quá trình điều tra, anh T5 không yêu cầu thanh toán số tiền thuê còn lại, yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại 02 máy ảnh và 02 thiết bị máy ảnh trị giá 62.720.000 đồng theo quy định của pháp luật.

8. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của anh Nguyễn Tuấn A1 01 máy ảnh và 01 thiết bị máy ảnh tổng trị giá 55.860.000 đồng.

Thông qua anh Hoàng Anh T5 giới thiệu thì bị cáo Hải A quen biết anh Nguyễn Tuấn A1 làm nghề quay phim, chụp ảnh tự do. Ngày 08/12/2022, Hải A thuê của anh Tuấn A1 bộ máy gồm 01 máy ảnh và 01 thiết bị máy nhưng không lập hợp đồng, hai bên thỏa thuận giá tiền thuê là 30.000.000 đồng. Quá trình thuê, Hải A đã thanh toán cho anh Tuấn A1 số tiền 10.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa trả. Sau khi thuê được tài sản, ban đầu Hải A sử dụng vào mục đích công việc. Sau đó, vì cần tiền chi tiêu cá nhân, Hải A đã mang bán hoặc cầm cố toàn bộ số tài sản trên cho người khác nhưng không nhớ tên, tuổi, địa chỉ. Số tiền cầm cố tài sản của anh Tuấn A1 thì Hải A sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Quá thời hạn thuê tài sản, bị cáo Hải A không có khả năng hoàn trả cho anh Nguyễn Tuấn A1.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm vật chứng là các tài sản nêu trên nhưng chưa có kết quả.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 244/KL-HĐĐGTS ngày 02/10/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Đ kết luận: "01 máy ảnh và 01 thiết bị máy ảnh trên có tổng trị giá 55.860.000 đồng."

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Hải A khai như nội dung vụ án nêu trên phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Tuấn A1. Số tài sản H cầm cố hoặc bán cho nhiều người nhưng không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể, không lập hợp đồng, không có

hóa đơn, chứng từ, không nhớ cụ thể số tiền đã bán tài sản. Số tiền bán và cầm cố tài sản, Hải A sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết không có khả năng khắc phục. Quá trình điều tra, anh Tuấn A1 không yêu cầu trả số tiền thuê còn lại, yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại 01 máy ảnh và 01 thiết bị máy ảnh trị giá 55.860.000 đồng theo quy định của pháp luật.

9. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của anh Thái Văn H1 07 máy ảnh và 11 thiết bị máy ảnh tổng trị giá 369.640.000 đồng.

Anh Thái Văn H1 có cửa hàng kinh doanh mua bán, cho thuê máy ảnh, thiết bị máy ảnh cũ FIQUA Camera. Từ khoảng tháng 04/2022, Hải A thuê của anh H1 nhiều máy ảnh, thiết bị máy ảnh để sử dụng phục vụ công việc kinh doanh quay phim, chụp ảnh cá nhân với thời hạn thuê được gia hạn nhiều lần do hai bên thỏa thuận. Tính đến ngày 22/01/2023, bị cáo Hải A thuê của anh H1 07 máy ảnh và 11 thiết bị máy ảnh các loại, hai bên có lập hợp đồng thuê. Do anh H1 cho bị cáo Hải A thuê nhiều lần, nhiều tài sản nên không xác định được tổng trị giá tiền thuê. Tính đến ngày 22/01/2023 bị cáo Hải A còn nợ anh H1 khoảng 200.000.000 đồng tiền thuê. Sau khi thuê được tài sản, ban đầu Hải A sử dụng vào mục đích công việc, sau đó vì cần tiền chi tiêu cá nhân nên Hải A đã cầm cố cho Công ty cổ phần T9 06 máy ảnh và 08 thiết bị máy ảnh. Số còn lại bị cáo Hải A bán hoặc cầm cố cho người khác nhưng không nhớ tên, tuổi, địa chỉ. Quá thời hạn thuê tài sản, bị cáo Hải A không có khả năng hoàn trả cho anh Thái Văn H1.

Khám xét khẩn cấp tại Công ty cổ phần T9, thu giữ 06 máy ảnh và 08 thiết bị máy ảnh. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm vật chứng là các tài sản còn lại nêu trên nhưng chưa có kết quả.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 93/KL-HĐĐGTS ngày 14/4/2023 và số 244/KL-HĐĐGTS ngày 02/10/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Đ kết luận: "07 máy ảnh và 11 thiết bị máy ảnh trên có tổng trị giá 369.640.000 đồng."

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Hải A khai như nội dung vụ án nêu trên phù hợp với lời khai của anh Thái Văn H1 và những người liên quan. Số tài sản Hải A cầm cố cho Công ty cổ phần T9 và các cá nhân lãi suất từ 1.000 đồng đến 1.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày; số tài sản H bán hoặc cầm cố cho nhiều người không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể, không lập hợp đồng, không có hóa đơn, chứng từ, không nhớ cụ thể số tiền đã bán tài sản. Số tiền bán và cầm cố tài sản, Hải A sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết không có khả năng khắc phục. Quá trình điều tra, anh H1 có đơn xin lại tài sản, ngày 04/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều

tra - Công an Thành phố H quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho anh H1 06 máy ảnh và 08 thiết bị máy ảnh. Nay anh H1 không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Sau khi chiếm đoạt tài sản của 09 bị hại nêu trên, bị cáo Hải A cắt mọi liên lạc với các bị hại. Ngày 08/02/2023, bị cáo Hải A đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tài sản thu giữ: Thu giữ của bị cáo Hải A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, IMEI: 354798781192456.

Cáo trạng số: 695/CT-VKS-P3 ngày 29/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Hải A về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 175; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hải A từ 13 đến 14 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bồi thường cho các bị hại gồm: chị Hoàng Thiên N 600.000.000 đồng; anh Trịnh Văn T2 400.000.000 đồng; anh Nguyễn Như H 187.336.000 đồng; anh Nguyễn Duy T3 190.047.000 đồng; anh Nguyễn Ngọc T4 63.590.000 đồng; anh Nguyễn Thế D 76.225.000 đồng; anh Hoàng Anh T5 62.720.000 đồng; anh Nguyễn Tuấn A1 55.860.000 đồng.

Buộc bồi thường cho Công ty cổ phần T9 số tiền 776.333.133 đồng (bao gồm tiền vay cầm cố và lãi suất theo thỏa thuận); chị Trần Thị Mỹ H2 8.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Hồng N2 23.000.000 đồng; anh Ngô Minh Q 10.000.000 đồng; anh Lê Văn K 20.000.000 đồng.

Không xác định được cụ thể số tiền bị cáo cầm cố hoặc bán các tài sản chiếm đoạt nên không có căn cứ buộc bị cáo nộp lại số tiền hưởng lợi bất chính.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 13 của bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và trách nhiệm dân sự là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo sống với ông bà nội; ông nội bị cáo là nhà giáo ưu tú, nay ông nội bị cáo đã chết; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn; mẹ bị cáo bỏ đi từ lúc bị cáo còn nhỏ, không ai quan tâm chăm sóc bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú; nhận thức pháp luật hạn chế và có bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử

áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận, đồng ý bồi thường cho các bị hại như đại diện Viện kiểm sát phát biểu và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên toà bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát. Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng, kết luận giám định, vật chứng thu được và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 20/8/2022, bị cáo Hải A đã thuê tài sản gồm máy ảnh và thiết bị máy ảnh của 09 người trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Sau khi thuê được tài sản, Hải A sử dụng cho công việc quay phim, chụp ảnh cho Công ty cổ phần C1. Tính đến ngày 30/01/2023 bị cáo Hải A còn thuê của chị Hoàng Thiên N, Trịnh Văn T2, Nguyễn Như H, Nguyễn Duy T3, Nguyễn Ngọc T4, Nguyễn Thế D, Hoàng Anh T5, Nguyễn Tuấn A1 và Thái Văn H1 tổng số 135 máy ảnh, thiết bị máy ảnh có tổng trị giá là **2.978.985.500 đồng**, trong đó thuê của chị N 19 máy ảnh và 30 thiết bị máy ảnh trị giá 1.204.457.500 đồng, anh T2 14 máy ảnh và 16 thiết bị máy ảnh trị giá 636.860.000 đồng; anh H 04 máy ảnh và 05 thiết bị máy ảnh trị giá 187.336.000 đồng; anh T3 05 máy ảnh và 06 thiết bị máy ảnh trị giá 217.047.000 đồng; anh T4 04 máy ảnh và 02 thiết bị máy ảnh trị giá 127.590.000 đồng; anh D 03 máy ảnh và 03 thiết bị máy ảnh trị giá 117.475.000 đồng; anh T5 02 máy ảnh và 02 thiết bị máy ảnh trị giá 62.720.000 đồng; anh Tuấn A1 01 máy ảnh và 01

thiết bị máy ảnh trị giá 55.860.000 đồng; anh H1 07 máy ảnh và 11 thiết bị máy ảnh trị giá 369.640.000 đồng.

Sau khi thuê được 135 máy ảnh, thiết bị máy ảnh của 09 bị hại nêu trên, bị cáo Hải A sử dụng được một thời gian, sau đó do cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân nên bị cáo nói dối là tài sản của mình rồi cầm cố cho Công ty cổ phần T9 17 máy ảnh và 23 thiết bị máy ảnh để vay số tiền 567.410.000 đồng; cầm cố cho chị Trần Thị Mỹ H2 để vay số tiền 8.000.000 đồng; cầm cố cho chị Nguyễn Thị Hồng N2 để vay số tiền 23.000.000 đồng; cầm cố cho anh Ngô Minh Q để vay số tiền 10.000.000 đồng; cầm cố cho anh anh Lê Văn K để vay số tiền 20.000.000 đồng.

Mặc dù tài sản đã mang bán hoặc cầm cố cho người khác, nhưng khi các bị hại gọi điện thoại có hình ảnh để kiểm tra tài sản cho thuê thì bị cáo Hải A nói dối là máy ảnh, thiết bị máy ảnh đang do các nhân viên của bị cáo Hải A sử dụng ở địa điểm xa để các bị hại không kiểm tra được tài sản của mình. Số tiền chiếm đoạt được, bị cáo trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Quá thời hạn thuê tài sản, bị cáo Hải A không có khả năng hoàn trả, cắt mọi liên lạc với các bị hại.

Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Lam dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và phạm tội nhiều lần; Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật hình sự. Do vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với hành vi của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét thấy, bị cáo không có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ bị cáo bỏ đi từ nhỏ; ông bị cáo là nhà giáo nhân dân; tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi một phần trả cho các bị hại; bị cáo đầu thú và có bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo nên không được chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu của những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật; tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên buộc bị cáo phải bồi thường như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Vật chứng của vụ án: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với Công ty cổ phần T9 đã nhận cầm cố nhiều tài sản của bị cáo Hải A. Khi nhận cầm cố, hai bên có lập hợp đồng và bị cáo Hải A cam kết đó là tài sản của mình, việc cầm cố cho vay đối với các tài sản này là đúng quy định của Công ty và quy định về lãi suất cho vay. Đối với các tài sản Cơ quan điều tra đã thu giữ, nay Công ty cổ phần T9 yêu cầu bị cáo Hải A phải bồi thường tổng số tiền 776.333.133 đồng (bao gồm tiền vay cầm cố và lãi suất theo thỏa thuận). Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ nêu trên không có căn cứ kết luận Công ty cổ phần T9 biết số tài sản bị cáo Hải A cầm cố là do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H không đề cập xử lý đối với anh Phan Thanh T7 - người đại diện cho Công ty cổ phần T9 là phù hợp.

Đối với số tài sản Hải Anh thuê của 09 bị hại nêu trên, sau đó mang cầm cố hoặc bán cho nhiều người không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xác minh. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm số tài sản còn lại nhưng chưa có kết quả, khi nào thu giữ được sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với anh Dương Mạnh V1 nhận bán hộ cho Hải A nhiều tài sản nhưng anh V1 không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, không được hưởng lợi từ tiền chiếm đoạt nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý anh Dương Mạnh V1 là có căn cứ.

Đối với chị Nguyễn Thị Hồng N2, Trần Thị Mỹ H2, anh Ngô Minh Q, Lê Văn K, Bùi Văn T8 nhận cầm cố, mua các tài sản của Hải A nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị N2, chị H2, anh Q, anh K là có căn cứ.

Ngoài ra quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn thu giữ 02 máy ảnh và 08 thiết bị máy ảnh các loại. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đối với 10 tài sản trên. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm người bị hại nhưng chưa có kết quả. Do hết hạn điều tra, Cơ quan

Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H ra quyết định tách tài liệu liên quan đến 10 tài sản nêu trên để tiếp tục điều tra, xác minh, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát buộc tội bị cáo về tội đã truy tố và đề nghị mức hình phạt là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hải A phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

1. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 175, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử phạt bị cáo:

Hải A 13 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/02/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Hải A bồi thường cho những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng 2.473.111.133 đồng, cụ thể:

- Bồi thường cho chị Hoàng Thiên N 600.000.000 đồng;
- Bồi thường cho anh Trịnh Văn T2 400.000.000 đồng;
- Bồi thường cho anh Nguyễn Như H 187.336.000 đồng;
- Bồi thường cho anh Nguyễn Duy T3 190.047.000 đồng;
- Bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc T4 63.590.000 đồng;
- Bồi thường cho anh Nguyễn Thế D 76.225.000 đồng;
- Bồi thường cho anh Hoàng Anh T5 62.720.000 đồng;
- Bồi thường cho anh Nguyễn Tuấn A1 55.860.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty cổ phần T9 số tiền 776.333.133 đồng;
- Bồi thường cho chị Trần Thị Mỹ H2 8.000.000 đồng;
- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng N2 23.000.000 đồng;
- Bồi thường cho anh Ngô Minh Q 10.000.000 đồng;
- Bồi thường cho anh Lê Văn K 20.000.000 đồng.
- Ghi nhận anh Thái Văn H1 không yêu cầu bị cáo bồi thường.

3. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất

quy định tại khoản 2 Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, IMEI: 354798781192456. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/12/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

5. Án phí: Bị cáo Hải A phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 81.462.223đ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo và bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận**:*
- VKS cấp cao tại Hà Nội;
- VKS và Cục THADS Tp Hà Nội;
- Công an Tp Hà Nội;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Phong